



TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Kèm theo Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 30/ 6 /2026 của UBND xã)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026		Dự toán điều chỉnh năm 2026		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	92.740.000.000	176.762.700.300	100.800.245.765	225.758.362.027	108,69	127,72
I	Thu nội địa	92.740.000.000	56.206.700.300	100.800.245.765	62.090.245.765	108,69	110,47
I.1	Các khoản thu 100%	15.380.000.000	11.220.000.000	12.600.245.765	10.700.245.765	81,93	95,37
1	Phí, lệ phí	760.000.000	350.000.000	700.000.000	300.000.000	92,11	85,71
2	Thu khác	4.250.000.000	500.000.000	2.000.000.000	500.000.000	47,06	100,00
3	Lệ phí trước bạ	8.640.000.000	8.640.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	92,59	92,59
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000	100	100
5	Thuế tài nguyên	1.520.000.000	1.520.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	65,79	65,79
6	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			690.245.765	690.245.765		
I.2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	77.360.000.000	44.986.700.300	88.200.000.000	51.390.000.000	114,01	114,23
1	Thu từ khu vực CTN - NQD	29.930.000.000	17.658.700.300	41.000.000.000	24.190.000.000	136,99	136,99
	Thuế giá trị gia tăng	26.940.000.000	15.894.600.400	33.500.000.000	19.765.000.000	124,35	124,35
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.990.000.000	1.764.099.900	7.500.000.000	4.425.000.000	250,84	250,84
2	Thuế thu nhập cá nhân	13.270.000.000		13.200.000.000		99,47	
3	Thu tiền cho thuê đất	19.160.000.000	15.328.000.000	19.000.000.000	15.200.000.000	99,16	99,16
4	Thu tiền sử dụng đất	15.000.000.000	12.000.000.000	15.000.000.000	12.000.000.000	100	100
II	Thu chuyển nguồn	-	-		14.989.085.354		
III	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-		11.155.608.286		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	120.556.000.000	-	137.523.422.622		114,07
	- Thu bổ sung cân đối		120.556.000.000		116.543.000.000		96,67
	- Thu bổ sung có mục tiêu		-		20.980.422.622		

26